



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP EVN Quốc tế

Ngày 30/09/2025	23,800 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	1.3%	4.4%	3.9%

DT thuần Q3/25
0.27
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.55 -67.7%
YoY: ▼0.29 -52.6%

LN thuần Q3/25
0.05
tỷ VNĐ
QoQ: ▼42.0 -99.9%
YoY: ▼29.5 -99.8%

LN sau thuế Q3/25
0.04
tỷ VNĐ
QoQ: ▼42.0 -99.9%
YoY: ▼29.5 -99.9%

Tỷ suất lãi EBIT Q3/25
19.2%
YoY: +/-▼ 5124%

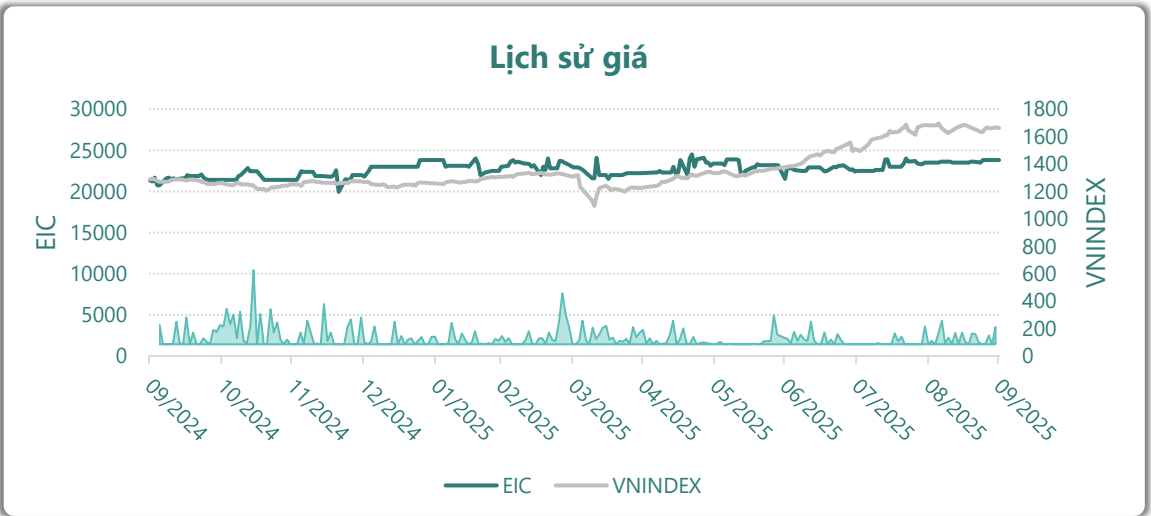
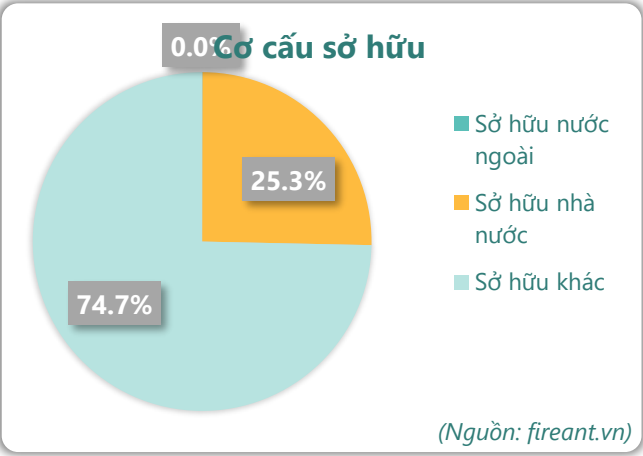
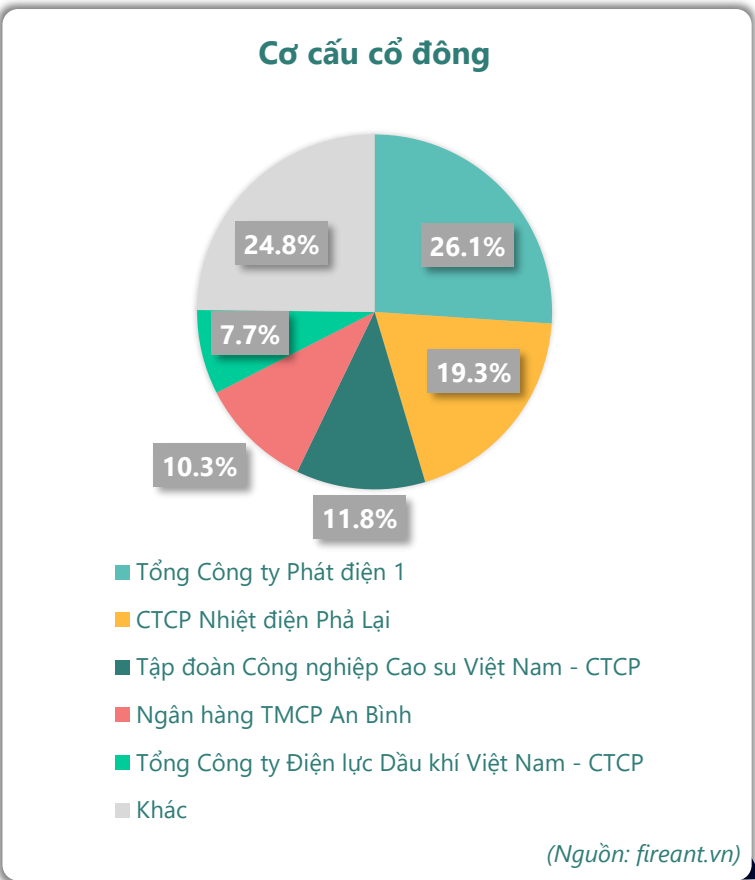
ROE (TTM) Q3/25
9.8%
YoY: +/-▼ 7.4%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	19,938 - 24,500
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	873
Số lượng CPLH (CP)	36,677,145
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,295
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.53
EPS	1,158
P/E	20.6

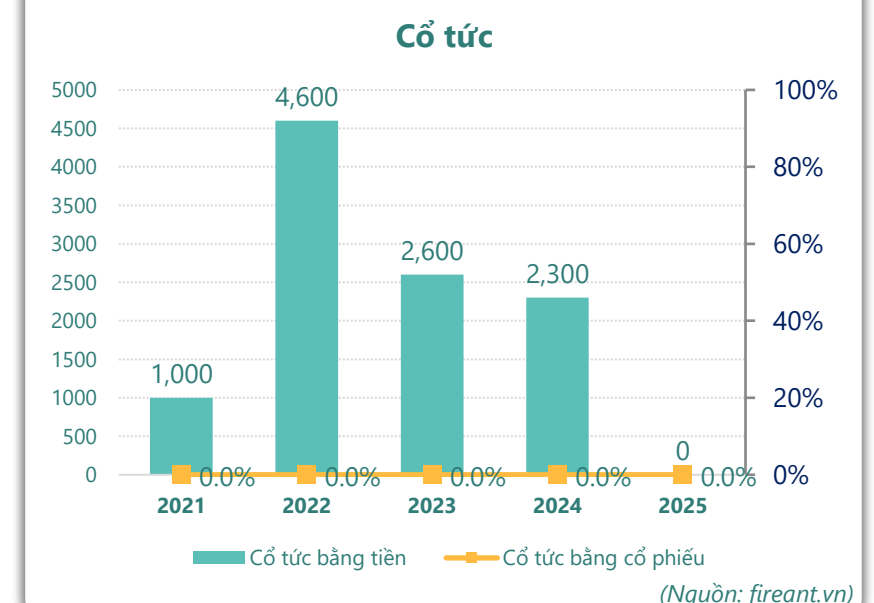
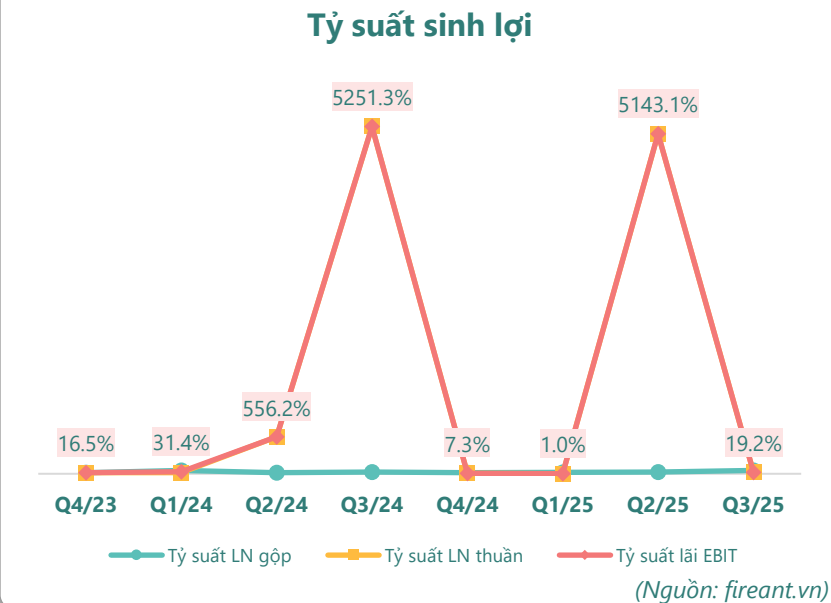
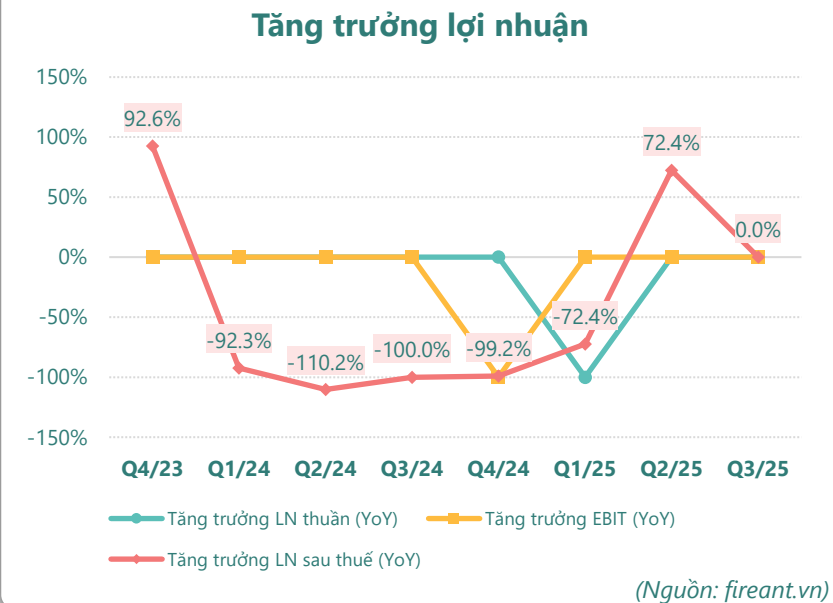
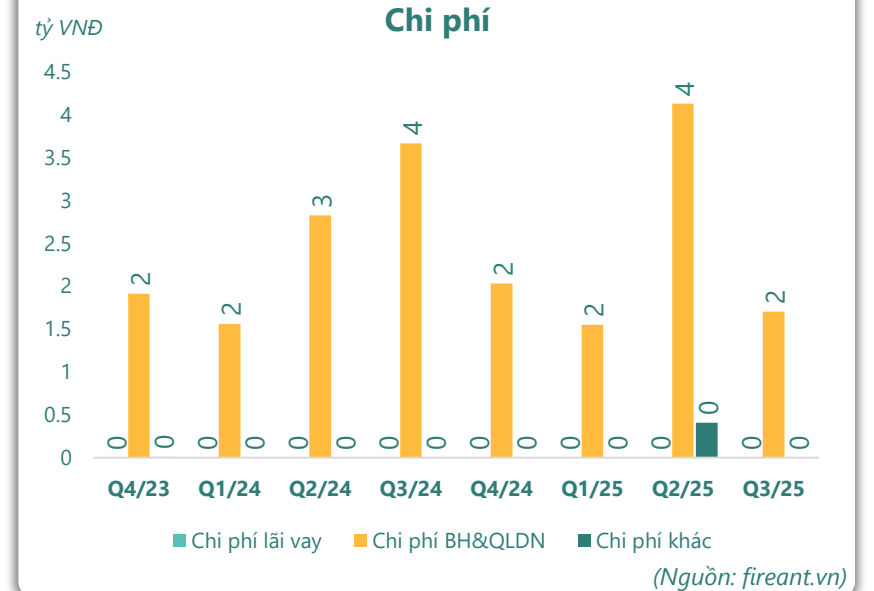
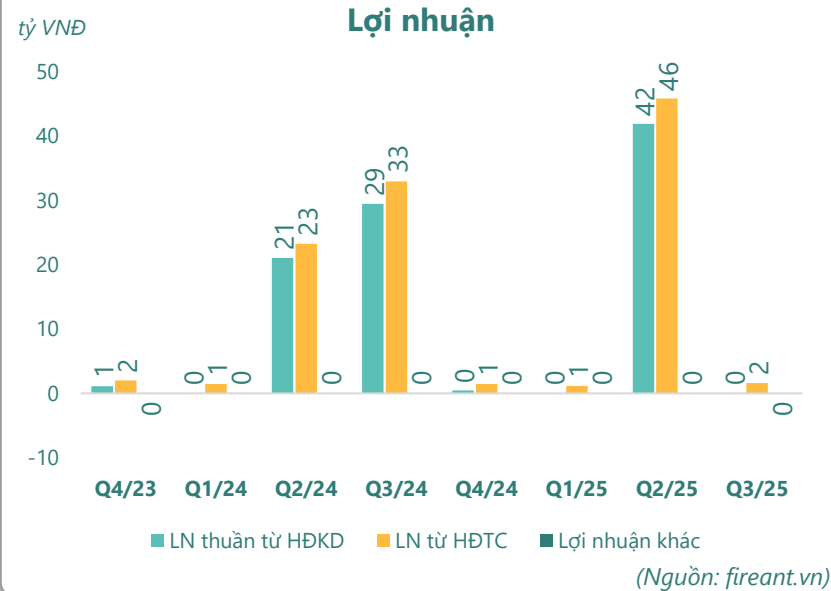
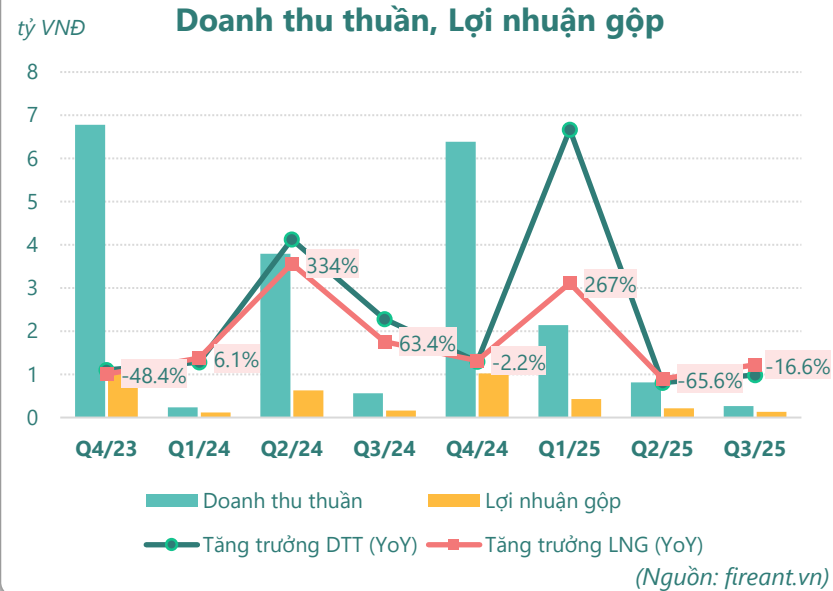
DT thuần 9T 2025
3.22
tỷ VNĐ
YoY: ▼1.37 -29.8%

LN thuần 9T 2025
42.0
tỷ VNĐ
YoY: ▼8.60 -16.9%

LN sau thuế 9T 2025
42.0
tỷ VNĐ
YoY: ▼8.60 -17.0%



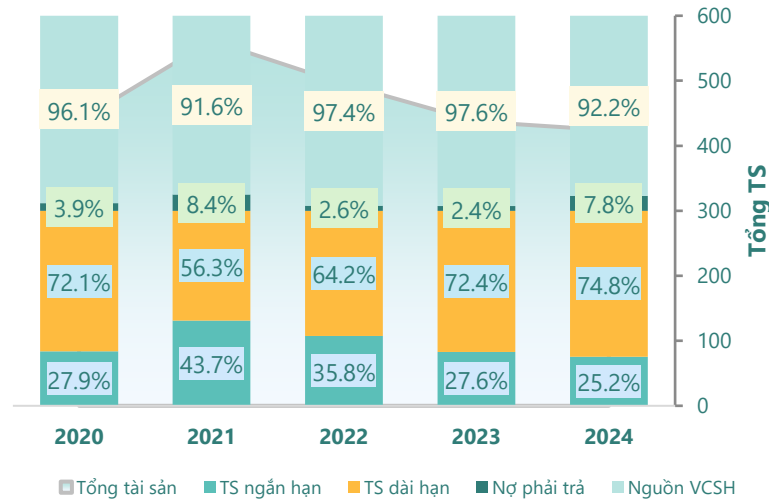
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

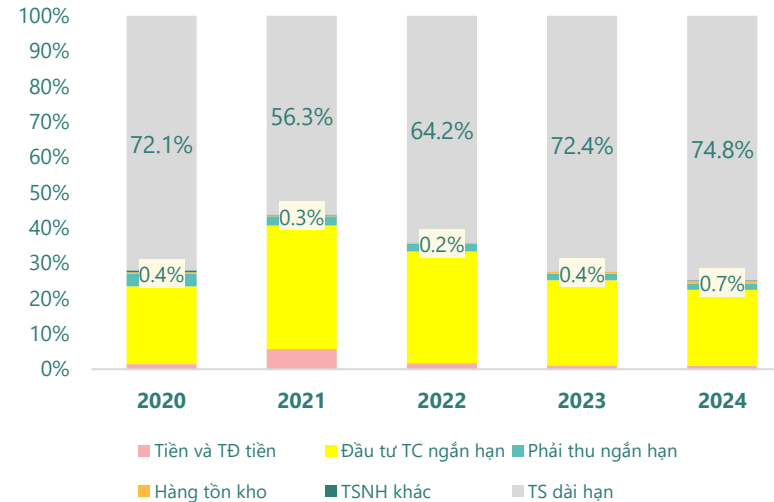
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

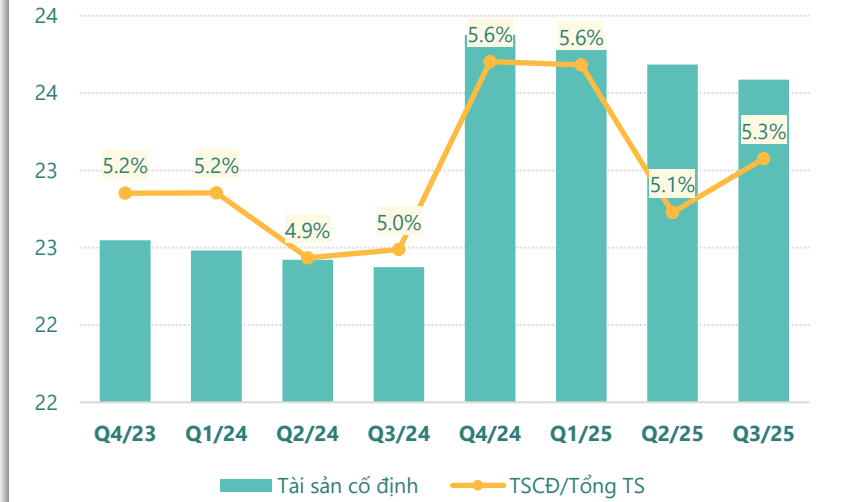
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

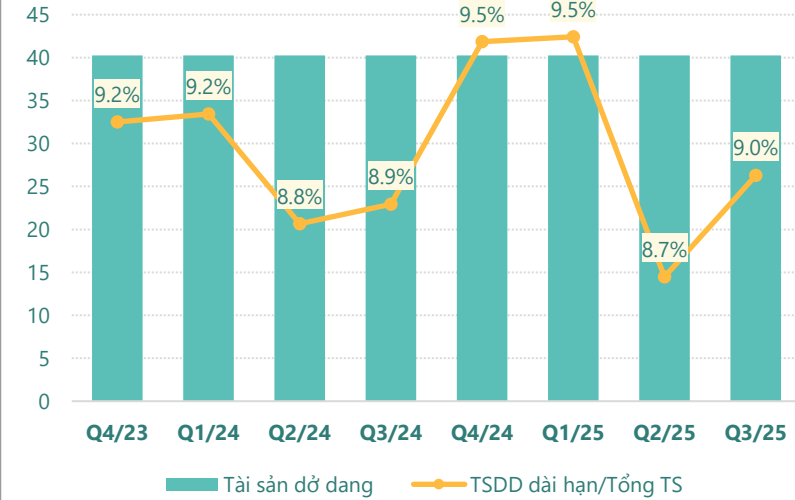
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

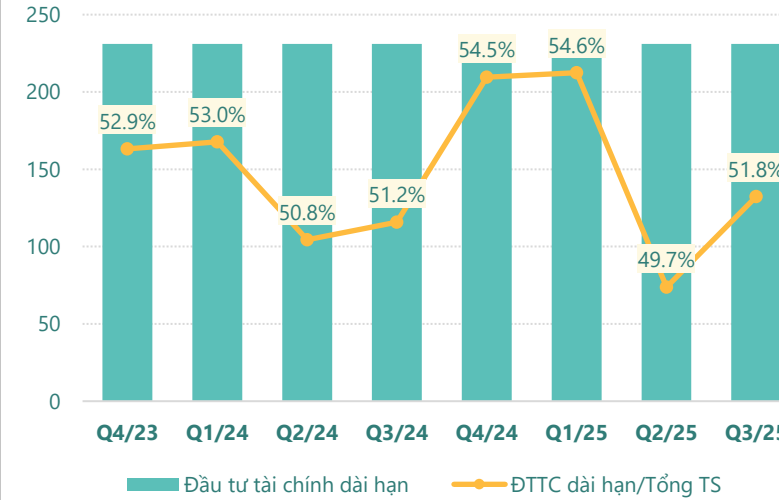
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

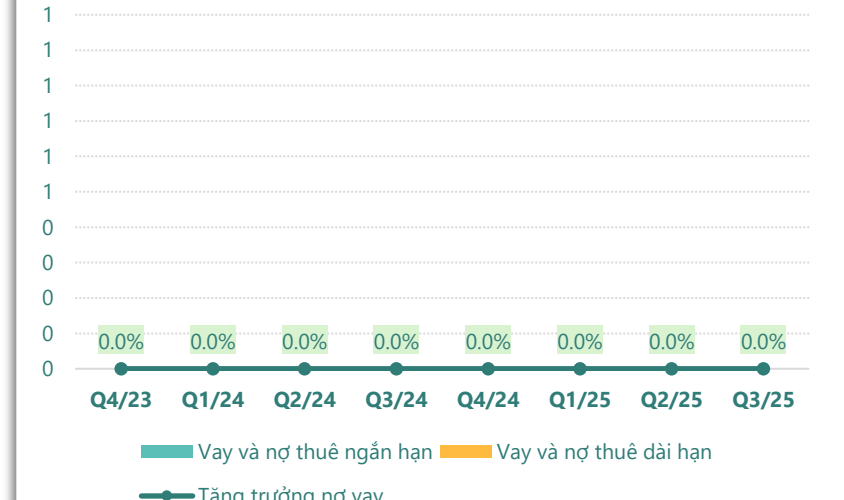
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

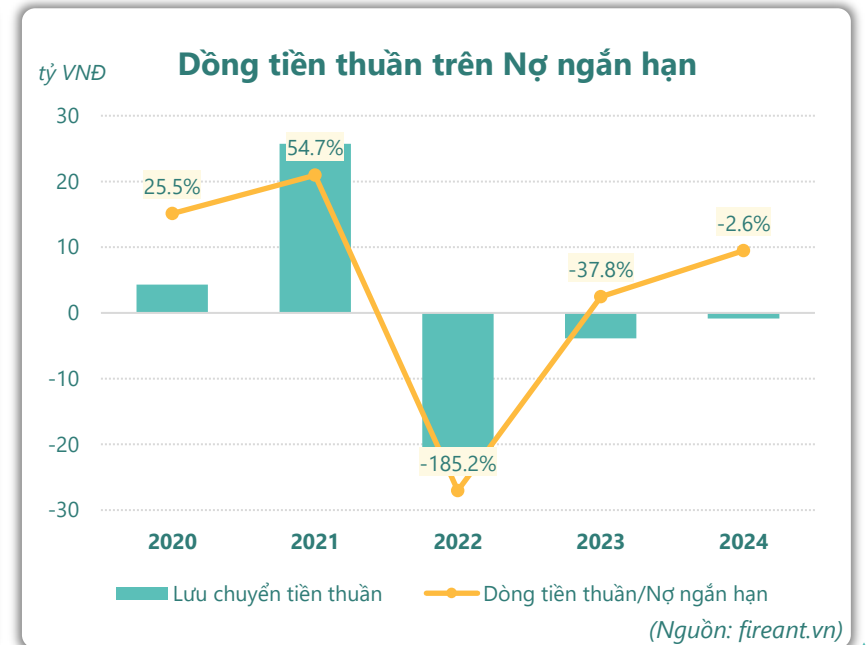
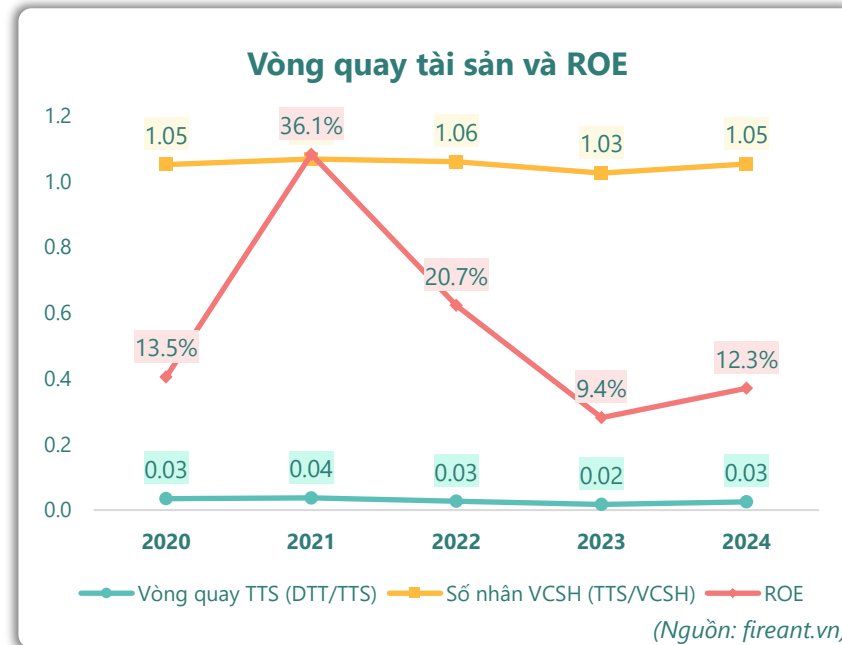
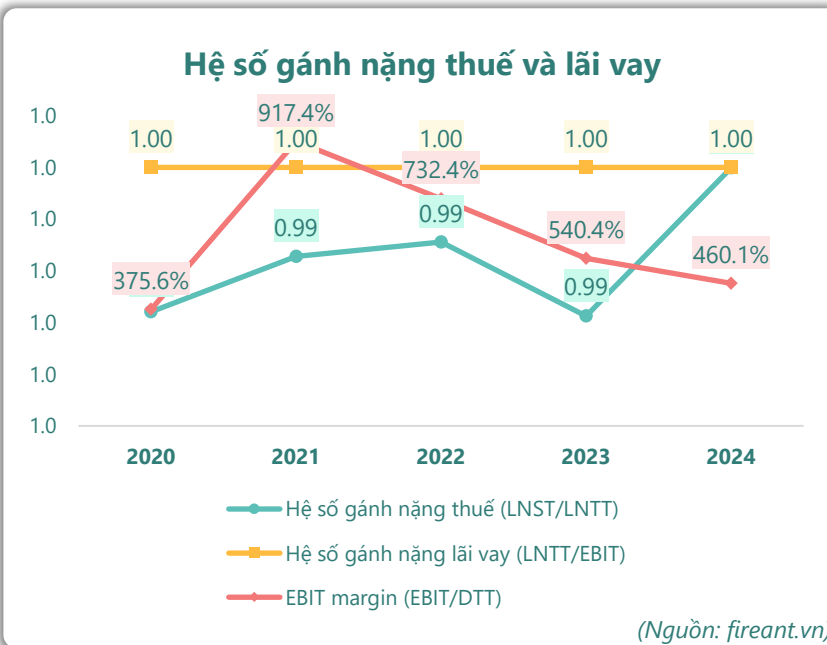
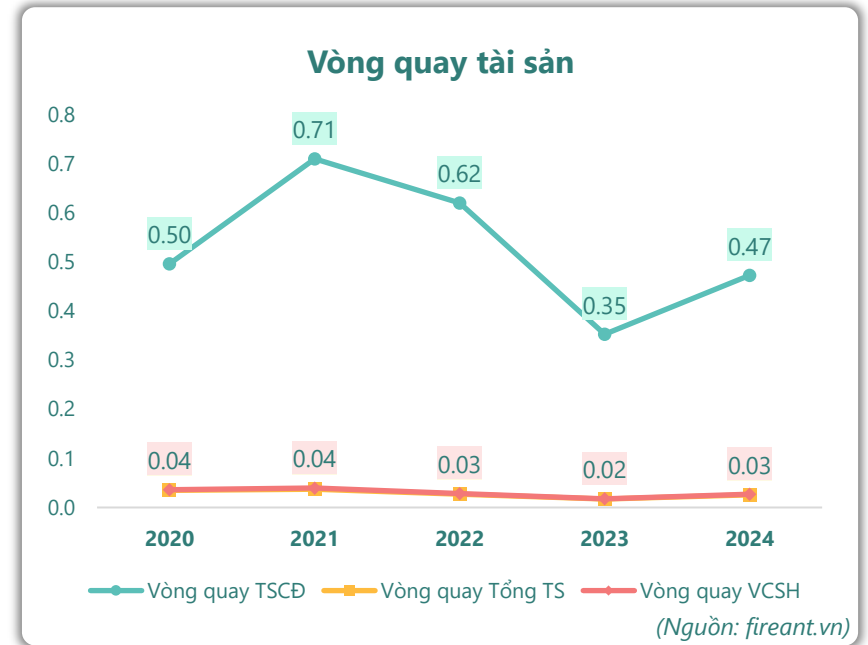
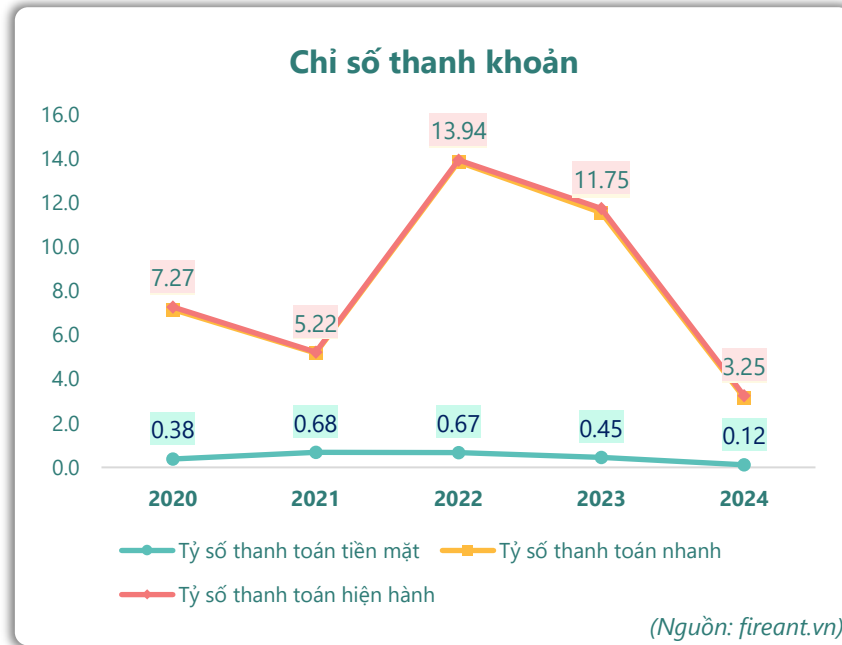
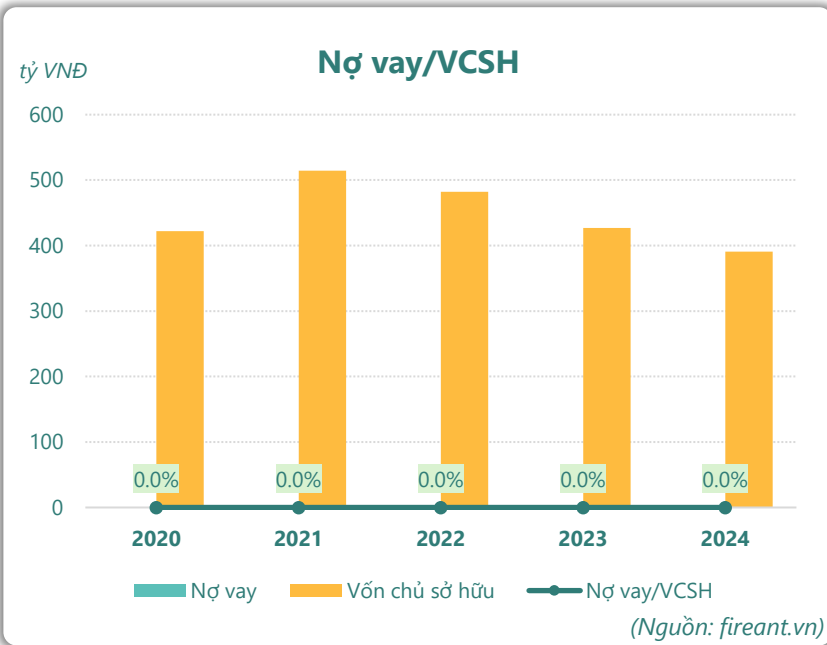
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	0.27	0.56	-52.6%	3.22	4.59	-29.8%
Giá vốn hàng bán	0.13	0.40	-67.0%	2.45	3.69	-33.6%
Lợi nhuận gộp	0.13	0.16	-16.8%	0.78	0.90	-14.0%
Doanh thu HĐTC	1.63	38.3	-95.8%	55.9	66.6	-16.0%
Chi phí TC	0	5.28	-100%	7.24	8.81	-17.8%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	1.70	3.67	-53.6%	7.39	8.05	-8.3%
LN thuần từ HĐKD	0.05	29.5	-99.8%	42.0	50.6	-16.9%
Lợi nhuận khác	0.00	0.00		0.00	0.04	-108%
LN trước thuế	0.05	29.5	-99.8%	42.0	50.6	-17.0%
Lợi nhuận sau thuế	0.04	29.5	-99.9%	42.0	50.6	-17.0%
LNST của CĐ cty mẹ	0.04	29.5	-99.9%	42.0	50.6	-17.0%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-1.13	-5.14	-4.30	-1.52	-3.31	-3.93
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	2.88	45.0	23.6	1.72	3.06	31.0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-3.10	-33.1	-24.8	-0.84	-0.23	-18.5
Tiền đầu kỳ	3.93	2.58	9.31	3.82	3.18	2.69
Lưu chuyển tiền thuần	-1.35	6.73	-5.49	-0.64	-0.49	8.52
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.00	0.00	0	0.00	0
Tiền cuối kỳ	2.58	9.31	3.82	3.18	2.69	11.2

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	447	424	5.4%
Tài sản ngắn hạn	130	107	22.1%
Tiền và tương đương tiền	11.2	3.82	194%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	105	91.2	14.6%
Phải thu ngắn hạn	5.97	7.92	-24.6%
Hàng tồn kho	8.34	3.02	176%
Tài sản ngắn hạn khác	0.37	0.85	-56.3%
Tài sản dài hạn	316	317	-0.3%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	23.6	23.9	-1.2%
Bất động sản đầu tư	21.1	21.2	-0.4%
Tài sản dở dang	40.3	40.3	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	231	231	0.0%
Tài sản dài hạn khác	0.05	0.51	-90.8%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	16.6	32.9	-49.6%
Nợ ngắn hạn	16.5	32.8	-49.6%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	0.51	0.52	-2.4%
Nợ dài hạn	0.02	0.04	-41.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	430	391	10.0%
Vốn chủ sở hữu	430	391	10.0%
Vốn điều lệ	367	367	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

